

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 792/2022/HC-PT

Ngày 22 tháng 9 năm 2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà  
nước thu hồi đất và hành vi buộc bồi  
thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi  
đất*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Minh

*Các Thẩm phán:*

Ông Phan Nhựt Bình

Ông Phạm Trí Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 186/2022/TLPT-HC ngày 12 tháng 4 năm 2022 “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và hành vi buộc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2021/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 965/2022/QĐPT-HC ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu phố 7, phường A, thành phố P, tỉnh K (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 1, phường D, thành phố P, tỉnh K (có đơn xin xét xử vắng mặt)

**\* Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh K. Địa chỉ: Số 04 đường 30/4, khu phố 2, phường D, thành phố P, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chiến T, chức vụ: Phó Chủ tịch (Giấy ủy quyền số 74/GUQ-UBND ngày 19/5/2022) (có mặt)

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Vườn Quốc gia P. Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Chí Thanh, khu phố 5, phường D, thành phố P, tỉnh K (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Giám đốc (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*Người kháng cáo:* người đại diện theo pháp luật của người bị kiện ông Huỳnh Quang H

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2019, đơn kiện bổ sung ngày 14/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Thanh T do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Chí N trình bày:***

Diện tích đất 19.349,4m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện P (nay là Khu phố B, phường A, thành phố P), tỉnh K của ông Nguyễn Thanh T có nguồn gốc do ông Phạm Văn Cắt khai phá từ năm 1972, sử dụng đến năm 2006 cho lại con Phạm Văn X tiếp tục sử dụng, đến ngày 19/12/2007 ông X chuyển nhượng lại cho ông T tiếp tục sử dụng ổn định, liên tục, có trồng nhiều ăn trái, cây lâu năm, đất không có tranh chấp.

Năm 2016 UBND huyện P kiểm kê, đo đạc diện tích đất để thu hồi thực hiện dự án Cáp Treo và Quần thể vui chơi giải trí biển H. Quá trình lập phương án đã chia nhỏ diện tích đất thành ba thửa và ban hành ba quyết định thu hồi đất: Quyết định số 3547/QĐ-UBND 24/4/2017 thu hồi thửa 642 diện tích 2.882m<sup>2</sup>, Quyết định số 8840/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 thu hồi thửa 637 diện tích 10.933m<sup>2</sup>, Quyết định số 8836/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 thu hồi thửa 637B diện tích 5.594,4m<sup>2</sup>.

Ngày 12/5/2017 UBND huyện P ban hành Quyết định số 4731/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông T đối với diện tích đất 2.822m<sup>2</sup> với số tiền 3.019.498.800 đồng, còn diện tích đất 16.527,4m<sup>2</sup> không được bồi thường, hỗ trợ.

Việc chia nhỏ thửa đất thành nhiều thửa, sau đó ban hành nhiều quyết định thu hồi đất và chỉ bồi thường đối với diện tích đất có nhiều cây trồng lâu năm còn sống, phần đất còn lại cây trồng bị chết còn lại ít, trồng mới, trồng hoa màu, cây ngắn ngày..., thì UBND huyện P cho rằng không có thành quả và không bồi thường là không đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông T mới biết Quyết định số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 về việc bồi thường 0 đồng đối với diện tích đất 16.527,4m<sup>2</sup>, nên ông T khởi kiện bổ sung.

ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện P về việc bồi thường 0 đồng cho diện tích đất 16.527,4m<sup>2</sup>.

- Buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất 637 diện tích 10.933m<sup>2</sup> và thửa đất 637B diện tích 5.594,4m<sup>2</sup> mà đã có quyết định thu hồi đất cho ông T.

***Tại văn bản số 205/UBND-NCPC ngày 19/3/2021 và văn bản số 552/UBND-NCPC ngày 04/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P do người đại diện ông Trần Chiến T trình bày:***

Ngày 21/8/2015, UBND tỉnh K ký Quyết định số 1789/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Cấp treo và quần thể vui chơi, giải trí biển H - P tại thị trấn A và xã H, huyện P, tỉnh K.

Ngày 26/10/2015, UBND huyện P ra Thông báo thu hồi đất số 845/TB-UBND, diện tích dự kiến thu hồi 19.349,4m<sup>2</sup> đất đối với ông Nguyễn Thanh T để thực hiện dự án.

Ngày 31/8/2016, tại Biên bản cuộc họp số 22/BB-HĐ về xác minh nguồn gốc đất của UBND xã H xét duyệt nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thanh T như sau: *Diện tích 2.822m<sup>2</sup> có nguồn gốc là do ông Phạm Văn Cắt khai phá sử dụng từ 1972, đến năm 2006 ông Cắt cho lại ông Phạm Văn X, đến năm 2007 ông X sang nhượng lại cho ông T sử dụng đến nay, trên đất có thành quả lao động. Diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> chờ xin ý kiến xét duyệt sau.*

Ngày 30/12/2016, UBND huyện P ban hành Quyết định số 8313/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H - P tại thị trấn A và xã H, huyện P, tỉnh K. Tại phương án ông T không được bồi thường.

Ngày 21/4/2017, UBND huyện P ban hành Quyết định số 3270/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung và thu hồi kinh phí phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H - P tại thị trấn A và xã H, huyện P, tỉnh K.

Ngày 24/4/2017, UBND huyện P ra Quyết định số 3547/QĐ-UBND, Quyết định số 8840/QĐ-UBND và Quyết định số 8836/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tổng diện tích là 19.349,4m<sup>2</sup> (2.822m<sup>2</sup> + 10.933m<sup>2</sup> + 5.594,4m<sup>2</sup>) đối với ông Nguyễn Thanh T để thực hiện dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H - P tại thị trấn A và xã H, huyện P, tỉnh K.

Ngày 12/5/2017, UBND huyện P ra Quyết định số 4731/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Nguyễn Thanh T với số tiền là 3.019.489.800 đồng (bồi thường đất đai diện tích 2.822m<sup>2</sup>). Còn diện tích đất 16.527,4m<sup>2</sup> không được bồi thường.

Ngày 26/6/2017, tại Biên bản cuộc họp số 20/BB-HĐ về xác minh nguồn gốc đất của UBND xã H xét duyệt nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thanh T như sau: *Diện tích 10.933m<sup>2</sup> do ông T nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn X năm 2007 nhưng không canh tác thường xuyên, hiện trạng có một số cây trồng nằm rải rác thưa xen lẫn cây rừng tự nhiên và nằm trong rừng phòng hộ, không đủ*

*điều kiện bồi thường; Diện tích 5.594,4m<sup>2</sup> không có thành quả lao động, hiện trạng là đá núi xen lẫn cây rừng tự nhiên, nằm trong rừng phòng hộ, không đủ điều kiện bồi thường.*

Ngày 15/10/2019, tại Biên bản cuộc họp số 628/BB-HĐ về xác minh nguồn gốc đất của UBND xã H xét duyệt nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thanh T như sau: *Hủy kết quả xét duyệt nguồn gốc đất đối với ông Nguyễn Thanh T tại Biên bản số 22/BB-HĐ ngày 31/8/2016, Biên bản số 20/BB-HĐ ngày 26/6/2016 do nguồn gốc sử dụng không đúng với nguồn gốc đã xét nên hội đồng xét duyệt lại.*

Tuy nhiên, ngày 24/5/2019, tại Biên bản cuộc họp số 547/BB-HĐ về xác minh nguồn gốc đất của UBND xã H (nay là phường A) xét duyệt nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thanh T như sau: *Diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> trước năm 2007 hiện trạng là rừng tự nhiên, đất nhà nước quản lý. Đến năm 2007 ông Phạm Văn X lên phát ranh kê khai đo đạc bản đồ địa chính. Năm 2007 ông X sang nhượng lại cho ông Nguyễn Thanh T. Từ năm 2007 đến nay ông T bỏ hoang không canh tác. Đến năm 2015, ông T mới lên phát dọn ranh trồng cây thì bị Hạt kiểm lâm lập biên bản xử lý nhưng ông T không thừa nhận. Hiện trạng cây rừng tự nhiên, núi đá xen lẫn một số cây trồng rải rác, không đủ điều kiện bồi thường.*

Ngày 18/01/2021, UBND thành phố P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K giám định tuổi cây đối với các loại cây xoài, đào, gió bầu được ông Nguyễn Thanh T trồng trên diện tích 16.527,4m<sup>2</sup>. Ngày 13/5/2021, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh thông báo Kết quả Giám định tuổi cây trên khuôn viên đất diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Thanh T như sau: Xoài có mã số X-0: 14 năm tuổi; Đào có mã số Đ-01: 14 năm tuổi và Đào có mã số Đ-02: 14 năm tuổi. Qua kết quả trên, xác định hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T có quá trình sử dụng phần diện tích đất trên vào khoảng năm 2007-2008. Do đó Nhà nước không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> là phù hợp với Khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai 2013, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

***Tại văn bản số 247/VQG-PQLBV&PTR ngày 25 tháng 5 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vườn quốc gia P trình bày:***

Theo quy hoạch tại Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo P, tỉnh K đến năm 2030 thì toàn bộ diện tích đất 16.527,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 637, 637b của ông Nguyễn Thanh T nằm trong rừng phòng hộ P.

***Tại Bản án số 45/2021/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh K đã quyết định:***

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Điều 75, Điều 77, Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp;
- Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên;
- Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

- Hủy Quyết định số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cáp treo và quần thể vui chơi

giải trí biển H – P tại phường A (xã H) thành phố P, tỉnh K đối với ông Nguyễn Thanh T.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thanh T đối với diện tích 10.933m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 637 mà UBND thành phố P đã có Quyết định số 8840/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 thu hồi đất đối với ông Nguyễn Thanh T để thực hiện dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H – P tại phường A (xã H) thành phố P, tỉnh K.

2. Xử bác một phần khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu buộc UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 5.594,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 637B mà UBND thành phố P đã có Quyết định số 8836/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 thu hồi đối với ông Nguyễn Thanh T để thực hiện dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H – P tại phường A (xã H) thành phố P, tỉnh K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/11/2021, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện ông Huỳnh Quang H kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm,***

Đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, ông Trần Chiến T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H – P tại phường A (xã H) thành phố P, tỉnh K đối với ông Nguyễn Thanh T. Với các lý do: Ngày 24/5/2019, tại Biên bản cuộc họp số 547/BB-HĐ về xác minh nguồn gốc đất của UBND xã H (nay là phường A) xét duyệt nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thanh T như sau: *“Diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> trước năm 2007 hiện trạng là rừng tự nhiên, đất nhà nước quản lý. Đến năm 2007 ông Phạm Văn X lên phát ranh kê khai đo đạc bản đồ địa chính. Năm 2007 ông X sang nhượng lại cho ông Nguyễn Thanh T. Từ năm 2007 đến nay ông T bỏ hoang không canh tác. Đến năm 2015, ông T mới lên phát dọn ranh trồng cây thì bị Hạt kiểm lâm lập biên bản xử lý nhưng ông T không thừa nhận. Hiện trạng cây rừng tự nhiên, núi đá xen lẫn một số cây trồng rải rác,*

*không đủ điều kiện bồi thường”.*

Ngày 18/01/2021, UBND thành phố P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K giám định tuổi cây đối với các loại cây xoài, đào, gió bầu được ông Nguyễn Thanh T trồng trên diện tích 16.527,4m<sup>2</sup>. Ngày 13/5/2021, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh thông báo Kết quả Giám định tuổi cây trên khuôn viên đất diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Thanh T như sau: Xoài có mã số X-0: 14 năm tuổi; Đào có mã số Đ-01: 14 năm tuổi và Đào có mã số Đ-02: 14 năm tuổi. Qua kết quả trên, xác định hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T có quá trình sử dụng phần diện tích đất trên vào khoảng năm 2007-2008. Do đó Nhà nước không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> là phù hợp với Khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai 2013.

Người đại diện theo ủy quyền của người của người khởi kiện ông Nguyễn Chí N và người đại diện theo pháp luật của Vườn Quốc gia P ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, Việc sử dụng đất được xác định trước ngày 01/7/2004, trước ngày Thủ tướng Chính Phủ có Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo P, tỉnh K đến năm 2030, trong đó có quy hoạch rừng phòng hộ P nên việc UBND thành phố P cho rằng đất thuộc rừng phòng hộ là không có cơ sở. Như vậy, thửa đất 637 diện tích 10.933m<sup>2</sup> của ông T đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ nhưng UBND thành phố P ban hành Quyết định số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 bồi thường 0 đồng cho ông T là chưa bảo đảm quyền lợi của người bị thu hồi đất. Ngoài ra, quyết định căn cứ vào Biên bản xét nguồn gốc số 20/BB-HĐ ngày 26/6/2017 trong khi biên bản này đã bị hủy bỏ theo Biên bản số 628/BB-HĐ ngày 15/10/2019 của UBND xã H và quyết định cũng không thể hiện rõ căn cứ vào quyết định thu hồi đất nào nên cần phải hủy bỏ. Đối với thửa 637B diện tích 5.594,4m<sup>2</sup> thu hồi của ông T qua xét duyệt nguồn gốc đất của UBND xã H cũng như việc Tòa án quyết định xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện phần đất này là đồi đá, cây rừng, không có thành quả, do Nhà nước quản lý nên việc ông T yêu cầu buộc UBND thành phố P bồi thường là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ và đúng pháp luật.

UBND thành phố P kháng cáo cho rằng kết quả giám định tuổi cây xác định ông Nguyễn Thanh T có quá trình sử dụng đất năm 2007-2008 do đó Nhà nước không bồi thường quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 10.933m<sup>2</sup> là phù hợp với khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai. Đề nghị xét xử lại giữ nguyên Quyết định số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện P.

Về nội dung này, bản án sơ thẩm đã nhận định rõ: “Đối với kết quả giám định cây trồng có tuổi thọ 14 năm, điều này chứng minh đất đã sử dụng trước ngày ban hành Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ và chứng minh việc xét lại nguồn gốc đất tại Biên bản số 547/BB-HĐ ngày 24/5/2019 của UBND xã H là không đúng với thời điểm sử dụng đất và nguồn gốc đất, tại phiên tòa người bị kiện thừa nhận việc xét lại này là sai”. Do đó kháng cáo của UBND thành phố P là không có căn cứ để chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố P; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Chí N, người đại diện theo pháp luật của Vườn Quốc gia P ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H – P tại phường A (xã H) thành phố P, là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 14/10/2019, ông T nhận được Quyết định số 8836/QĐ-UBND và Quyết định số 8840/QĐ-UBND cùng ngày 25/9/2017 của UBND thành phố P về việc thu hồi diện tích đất 16.527,4m<sup>2</sup> nhưng không có quyết định bồi thường, hỗ trợ kèm theo nên ngày 14/01/2020, ông T khởi kiện tại Tòa án. Quá trình giải quyết thông qua việc tiếp cận công

khai chứng cứ, người bị kiện cung cấp thì ông T mới biết ngày 06/10/2017, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 9005/QĐ-UBND bồi thường 0 đồng đối với diện tích đất bị thu hồi nêu trên, nên ông T có đơn khởi kiện bổ sung là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân tỉnh K thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[1.5] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 19/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh K có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2021/HC-ST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh K, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

**[2] Về nội dung:** Xét tính hợp pháp của Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017

***[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành***

Ngày 21/8/2015, UBND tỉnh K ký Quyết định số 1789/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Cấp treo và quần thể vui chơi, giải trí biển H - P tại thị trấn A và xã H, huyện P, tỉnh K.

Ngày 26/10/2015, UBND huyện P ra Thông báo thu hồi đất số 845/TB-UBND, diện tích dự kiến thu hồi 19.349,4m<sup>2</sup> đất đối với ông Nguyễn Thanh T để thực hiện dự án (trong đó có diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> ông T đang khiếu nại).

Ngày 26/6/2017, tại Biên bản cuộc họp số 20/BB-HĐ về xác minh nguồn gốc đất của UBND xã H xét duyệt nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thanh T như sau: *“Diện tích 10.933m<sup>2</sup> do ông T nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn X năm 2007 nhưng không canh tác thường xuyên, hiện trạng có một số cây trồng nằm rải rác thưa xen lẫn cây rừng tự nhiên và nằm trong rừng phòng hộ, không đủ điều kiện bồi thường; Diện tích 5.594,4m<sup>2</sup> không có thành quả lao động, hiện trạng là đá núi xen lẫn cây rừng tự nhiên, nằm trong rừng phòng hộ, không đủ điều kiện bồi thường”*.

Cùng ngày 25/9/2017, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 8836/QĐ-UBND và Quyết định số 8840/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> đất bao gồm diện tích 10.933m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 637 và diện tích 5.594,4m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 637B của ông Nguyễn Thanh T.

Ngày 06/10/2017, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 9005/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ 0 đồng đối với diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> đất bao gồm diện tích 10.933m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 637 và diện tích 5.594,4m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số

637B cho ông Nguyễn Thanh T với lý do: Đất do Rừng phòng hộ quản lý, theo Biên bản xét duyệt nguồn gốc lần 2 số 20/BB-HĐ ngày 26/6/2017 của Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất xã H.

Ngày 24/5/2019, tại Biên bản cuộc họp số 547/BB-HĐ về xác minh nguồn gốc đất của UBND xã H (nay là phường A) xét duyệt nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thanh T với nội dung: *“Diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> trước năm 2007 hiện trạng là rừng tự nhiên, đất nhà nước quản lý. Đến năm 2007 ông Phạm Văn X lên phát ranh kê khai đo đạc bản đồ địa chính. Năm 2007 ông X sang nhượng lại cho ông Nguyễn Thanh T. Từ năm 2007 đến nay ông T bỏ hoang không canh tác. Đến năm 2015, ông T mới lên phát dọn ranh trồng cây thì bị Hạt kiểm lâm lập biên bản xử lý nhưng ông T không thừa nhận. Hiện trạng cây rừng tự nhiên, núi đá xen lẫn một số cây trồng rải rác, không đủ điều kiện bồi thường”*.

Ngày 15/10/2019, tại Biên bản cuộc họp số 628/BB-HĐ về xác minh nguồn gốc đất của UBND xã H xét duyệt nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thanh T như sau: *“Hủy kết quả xét duyệt nguồn gốc đất đối với ông Nguyễn Thanh T tại Biên bản số 22/BB-HĐ ngày 31/8/2016, Biên bản số 20/BB-HĐ ngày 26/6/2016 do nguồn gốc sử dụng không đúng với nguồn gốc đã xét nên hội đồng xét duyệt lại”*.

Xét thấy, Quyết định số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 bồi thường 0 đồng cho ông T là quyết định bồi thường, hỗ trợ ban hành chung cho hai quyết định thu hồi đất đối với diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> trên cơ sở căn cứ tại Biên bản cuộc họp xét nguồn gốc đất số 20/BB-HĐ ngày 26/6/2017 của UBND xã H. Tuy nhiên, Biên bản số số 20/BB-HĐ này đã bị hủy bỏ bởi Biên bản cuộc họp số 628/BB-HĐ ngày 15/10/2019. UBND thành phố P cho rằng việc ban hành quyết định không bồi thường, hỗ trợ cho ông T là căn cứ vào Biên bản cuộc họp xét duyệt nguồn gốc đất số 547/BB-HĐ ngày 24/5/2019. Tuy nhiên, Quyết định số 9005/QĐ-UBND được ban hành ngày 06/10/2017 lại căn cứ vào Biên bản cuộc họp số 547/BB-HĐ ngày 24/5/2019 là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

***[2.2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người bị kiện, UBND thành phố P diện tích 10.933m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 637 thu hồi của ông Nguyễn Thanh T***

***[2.2.1] Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng***

Các bên đương sự đều thừa nhận, diện tích 10.933m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 637 tọa lạc tại Khu phố B, phường A, thành phố P, tỉnh K hiện tại do ông Nguyễn Thanh T quản lý, sử dụng, đất không có tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Người khởi kiện, ông Nguyễn Thanh T cho rằng diện tích 10.933m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 637 nêu trên nằm trong tổng diện tích do ông nhận chuyển nhượng vào năm 2007. Đất có nguồn gốc khai hoang, sử dụng từ năm 1972 liên tục đến nay không có tranh chấp, có thành quả, đủ điều kiện được bồi thường. Nhà nước thu hồi lại chia đất thành nhiều thửa và chỉ bồi thường thửa có nhiều cây trồng còn sống; còn thửa ít cây, cây bị chết, cây trồng bổ sung, đất trồng hoa màu, cây ngắn ngày ...thì tách ra không bồi thường là không phù hợp.

Người bị kiện, UBND thành phố P thì cho rằng: Căn cứ Biên bản cuộc họp số 547/BB-HĐ ngày 24/5/2019 về xác minh nguồn gốc đất của UBND xã H (nay là phường A) xét duyệt nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thanh T với nội dung diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Thanh T không đủ điều kiện bồi thường. Đồng thời, căn cứ Kết quả Giám định tuổi các cây trên khuôn viên diện tích 16.527,4m<sup>2</sup> đất của ông Nguyễn Thanh T là 14 năm tuổi chứng tỏ hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T có quá trình sử dụng phần diện tích đất trên vào khoảng năm 2007-2008 nên không bồi thường quyền sử dụng đất là phù hợp với khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Hội đồng xét xử xét thấy, kết quả giám định cây trồng có tuổi thọ 14 năm chứng minh nguồn gốc đất ông T đã sử dụng trước ngày ban hành Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo P, tỉnh K đến năm 2030, trong đó có quy hoạch Rừng phòng hộ P, nên việc UBND thành phố P cho rằng đất thuộc Rừng phòng hộ quản lý là không có cơ sở. Đồng thời, kết quả giám định cây trồng có tuổi thọ 14 năm cũng chứng minh việc xét lại nguồn gốc đất tại Biên bản số 547/BB-HĐ ngày 24/5/2019 của UBND xã H có nội dung: *“Từ năm 2007 đến nay ông T bỏ hoang không canh tác”*, là không đúng với thời điểm sử dụng đất và nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thanh T. Việc cây trồng có tuổi thọ 14 năm không có nghĩa là đất có nguồn gốc sử dụng từ năm 2007. Trước thời điểm năm 2007, trồng và thu hoạch cây gì là thuộc quyền của người sử dụng đất. Ngoài các biên bản xét nguồn gốc đất nêu trên, UBND thành phố P không có tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện diện tích 10.933m<sup>2</sup> đất nêu trên thuộc quyền quản lý của Nhà nước và đã được đăng ký, kê khai trong bất cứ tài liệu nào.

Trong khi đó, căn cứ lời khai của Người khởi kiện ông Nguyễn Thanh T, lời khai của ông Hoàng Văn Ba (nguyên Chủ tịch Mặt trận xã, Chủ tịch UBND xã, Bí thư xã H giai đoạn mới thành lập xã H năm 2003 đến năm 2018), ông Quách Văn Mật, bà Phùng Thị Thu Thủy (vợ của ông Phạm Văn X chuyển nhượng đất cho ông T) đều xác nhận nguồn gốc diện tích đất trên là do ông Phạm Văn Cát khai phá, sử dụng từ năm 1972 đến năm 2006, sau đó cho lại con là ông Phạm Văn X; Đến năm 2007, ông X chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Thanh T sử dụng cho đến nay. Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện cũng thừa nhận về nguồn gốc đất ông T có được là

do nhận chuyển nhượng, điều này phù hợp với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án lập ngày 20/8/2020 hiện trạng 10.933m<sup>2</sup> đất có trồng 28 cây Đào, 03 cây Xoài...

Những lời khai trên phù hợp với việc ban đầu, UBND xã H xét duyệt nguồn gốc đất là của ông Phạm Văn Cắt cho con Phạm Văn X sau đó ông X chuyển nhượng cho ông T. Tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *“Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất”*.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, có căn cứ xác định thời điểm bắt đầu sử dụng diện tích 10.933m<sup>2</sup> đất là từ năm 1972 (trước ngày 01/7/2004), với mục đích sử dụng đất là đất vườn trồng cây lâu năm, đất rẫy trồng hoa màu, cây ngắn ngày, thuộc nhóm đất nông nghiệp.

#### *[2.1] Về điều kiện bồi thường khi thu hồi đất*

Như đã phân tích ở trên, diện tích 10.933m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 637 bị thu hồi của ông Nguyễn Thanh T có nguồn gốc sử dụng từ trước ngày 01/7/2004. Quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Thanh T sử dụng công khai, ngay tình, không có tranh chấp, không bị cơ quan Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Đồng thời, ông T là hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp, điều này đã được chứng minh khi UBND thành phố P bồi thường, hỗ trợ thửa 642 diện tích 2.882m<sup>2</sup> (tiếp giáp phía ngoài đối với diện tích 10.933m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 637) tại Quyết định số 4131/QĐ-UBND ngày 12/5/2017. Do đó, hộ ông T thuộc đối tượng được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 77, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; các Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 1 Điều 4 và Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên và Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh K về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh K đang có hiệu lực tại thời điểm lập phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.

Như vậy, UBND thành phố P thu hồi diện tích 10.933m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 637 của ông Nguyễn Thanh T mà không bồi thường, hỗ trợ là trái với quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên.

Đối với diện tích 5.594,4m<sup>2</sup> thuộc thửa số 637B mà UBND thành phố P đã thu hồi theo Quyết định số 8836/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 và không được bồi thường theo Quyết định số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017, các bên đương sự không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Người bị kiện UBND thành phố P; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện, UBND thành phố P phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của Người bị kiện UBND thành phố P, tỉnh K; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T:

- Hủy một phần Quyết định số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H – P tại phường A (xã H) thành phố P, tỉnh K đối với diện tích 10.933m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 637 của ông Nguyễn Thanh T.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ lập thủ tục ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thanh T đối với diện tích 10.933m<sup>2</sup> thuộc thửa số 637 mà UBND thành phố P đã thu hồi theo Quyết định số 8840/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về việc hủy Quyết định số 9005/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND thành phố P về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H – P tại phường A (xã H) thành phố P, tỉnh K và buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 5.594,4m<sup>2</sup> thuộc thửa số 637B mà UBND thành phố P đã thu hồi theo Quyết định số 8836/QĐ-UBND ngày 25/9/2019.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện, UBND thành phố P, tỉnh K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ theo biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm số 0006842 ngày 20/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh K.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- Cục THADS tỉnh K;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Văn Minh**